

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1135/2024/DS-ST

Ngày 21 tháng 6 năm 2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thiện Liên Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Thị Hoàng Oanh

2. Ông Trần Văn Phú

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Trường, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thúy A - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 12 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án dân sự thụ lý số 0591/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 200/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 180/2024/QĐST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần D**

Địa chỉ: 36 H, phường C, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào M - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn N (Giấy ủy quyền số 218/UQ-TGD.24 lập ngày 28 tháng 3 năm 2024)

Địa chỉ: 18 P, Phường K, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

Bị đơn:

1. Bà **Cao Nguyễn A**, sinh năm: 1980

Địa chỉ thường trú: 405/25A X, Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

2. Ông **Quách B**, sinh năm: 1980

Địa chỉ thường trú: 175/26 Đ, Phường C, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: 25 S, Phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, các bản tự khai và các biên bản tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

1. Ngày 01/8/2018, bà Cao Nguyễn A và ông Quách B có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần D (sau đây gọi tắt là Ngân hàng D) hợp đồng cho vay từng lần số 2947/18/TD/I.18. Theo đó, Ngân hàng D cho bà A và ông B vay số tiền là 650.000.000 (sáu trăm năm mươi triệu) đồng. Mục đích vay tiêu dùng. Thời hạn vay: 55 (năm mươi lăm) tháng tính từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân. Lãi suất trong hạn được quy định trong từng giấy nhận nợ. Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Lãi chậm trả bằng số dư nợ bị quá hạn x số ngày quá hạn x 10%/năm : 365. Bà A và ông B đã nhận đủ số tiền là 650.000.000 (sáu trăm năm mươi triệu) đồng vào ngày 06/8/2018 theo giấy nhận nợ số 01.

Để đảm bảo nghĩa vụ cho hợp đồng tín dụng nêu trên, bà A và ông B đã thế chấp tài sản là xe ô tô con nhãn hiệu KIA, biển kiểm soát: 51F-XXXXXX, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số XXXXXX do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/02/2018 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 2947/18/TC/I.18 ký ngày 01/8/2018 giữa Ngân hàng D, bà Cao Nguyễn A và ông Quách B. Tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Đà Nẵng ngày 09/8/2018.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng cho vay từng lần số 2947/18/TD/I.18, bà A và ông B đã thanh toán được 384.095.951 (ba trăm tám mươi bốn triệu, không trăm chín mươi lăm ngàn, chín trăm năm mươi một) đồng, trong đó tiền gốc là 286.870.011 (hai trăm tám mươi sáu triệu, tám trăm bảy mươi ngàn, không trăm mười một) đồng, lãi trong hạn là 96.396.413 (chín mươi sáu triệu, ba trăm chín mươi sáu ngàn, bốn trăm mười ba) đồng, lãi quá hạn là 829.527 (tám trăm hai mươi chín ngàn, năm trăm hai mươi bảy) đồng.

2. Căn cứ trên giấy đề nghị kiểm hợp đồng phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ABBANK VISA do bà Cao Nguyễn A ký ngày 06/9/2018, Ngân hàng D đã cấp cho bà A thẻ tín dụng hạng thẻ vàng, loại hình phát hành: bình thường, hạn mức tín dụng là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng. Đồng thời, bà A cam kết thế chấp thế chấp tài sản là xe ô tô con nhãn hiệu KIA, biển kiểm soát: 51F-XXXXXX, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số XXXXXX do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an Thành

phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/02/2018 để đảm bảo cho việc phát hành, sử dụng và trả nợ cho thẻ tín dụng quốc tế ABBANK VISA.

Tại đơn khởi kiện ngày 18/02/2022, Ngân hàng D khởi kiện với các yêu cầu như sau:

- Yêu cầu bà Cao Nguyễn A và ông Quách B thanh toán toàn bộ khoản nợ theo hợp đồng cho vay từng lần số 2947/18/TD/L.18 ký ngày 01/8/2018 và Giấy nhận nợ lần 1 ngày 06/8/2018, cụ thể yêu cầu bà A và ông B thanh toán cho Ngân hàng D tổng số tiền tạm tính đến ngày 19/01/2022 là 485.582.820 đồng và khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 20/01/2022 theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ đã ký cho đến khi thanh toán hết nợ.

- Yêu cầu bà Cao Nguyễn A thanh toán toàn bộ khoản nợ theo giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ABBANK VISA do bà A ký ngày 06/9/2018, cụ thể yêu cầu bà A thanh toán cho Ngân hàng D tổng số tiền tạm tính đến ngày 19/01/2022 là 80.629.550 đồng và khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 20/01/2022 theo mức lãi suất quy định tại giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ABBANK visa đã ký cho đến khi thanh toán hết nợ.

Trường hợp bà A và ông B không trả nợ hoặc trả không đủ nợ theo hợp đồng cho vay từng lần số 2947/18/TD/L.18 ký ngày 01/8/2018 hoặc bà A không trả nợ hoặc trả không đủ nợ theo giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ABBANK visa ký ngày 06/9/2018 thì Ngân hàng D có quyền xử lý tài sản bảo đảm và/hoặc yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là 01 xe ô tô con nhãn hiệu KIA, biển kiểm soát: 51F-XXXXXX, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số XXXXXXX do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/02/2018 để thu hồi nợ.

Sau khi xử lý xong tài sản bảo đảm mà không đủ để tất toán khoản vay thì bà A và ông B phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng cam kết đã ký với Ngân hàng D tại hợp đồng cho vay từng lần số 2947/18/TD/L.18 ký ngày 01/8/2018 và giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ABBANK visa ký ngày 06/9/2018 cho đến khi hết số nợ còn lại.

Nay, Ngân hàng D rút lại các yêu cầu khởi kiện sau:

- Rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà Cao Nguyễn A thanh toán toàn bộ khoản nợ theo giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ABBANK VISA do bà A ký ngày 06/9/2018, cụ thể yêu cầu bà A thanh toán cho Ngân hàng D tổng số tiền tạm tính đến ngày 19/01/2022 là 80.629.550 đồng và khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 20/01/2022 theo mức lãi suất quy định tại giấy đề

ngiht kiem h p đ ng ph t h nh, s  d ng th  t n d ng qu c t t ABBANK visa đ  k y cho đ n khi thanh to n h t n . Tr ng h p b  A kh ng tr  n  ho c tr  kh ng đ  n  theo gi y đ  ngh  kiem h p đ ng ph t h nh, s  d ng th  t n d ng qu c t t ABBANK visa k y ng y 06/9/2018 th  Ng n h ng D c  quyền x  l  t i s n b o đ m v /ho c y u c u C  quan Thi h nh  n d n s  c  th m quyền ph t m i t i s n th  ch p l  01 xe  t  con nh n hi u KIA, bi n ki m so t: 51F-XXXXXX, gi y ch ng nh n đ ng k y xe  t  s  XXXXXX do Ph ng C nh s t giao th ng - C ng  n Th nh ph  H  Ch  Minh c p ng y 03/02/2018 đ  thu h i n . Sau khi x  l  xong t i s n b o đ m m  kh ng đ  đ  t t to n kho n vay th  b  A ph i ti p t c th c hi n nghi a v  tr  n  theo đ ng cam k t đ  k y v i Ng n h ng D t i gi y đ  ngh  kiem h p đ ng ph t h nh, s  d ng th  t n d ng qu c t t ABBANK visa k y ng y 06/9/2018 cho đ n khi h t s  n  c n l i.

- R t y u c u x  l  t i s n đ i v i th  ch p l  01 xe  t  con nh n hi u KIA, bi n ki m so t: 51F-XXXXXX, gi y ch ng nh n đ ng k y xe  t  s  XXXXXX do Ph ng C nh s t giao th ng - C ng  n Th nh ph  H  Ch  Minh c p ng y 03/02/2018. Ng n h ng D kh ng y u c u x  l  t i s n th  ch p.

Ng n h ng D x c đ nh ch  y u c u b  Cao Nguy n A v   ng Qu ch B thanh to n kho n n  theo h p đ ng cho vay t ng l n s  2947/18/TD/I.18 k y ng y 01/8/2018 v  Gi y nh n n  l n 1 k y ng y 06/8/2018. C  th : T nh đ n ng y 24/4/2024, b  A v   ng B c n n  Ng n h ng D t ng s  ti n l  554.624.083 (n m tr m n m m i b n tri u, s u tr m hai m i b n ng n, kh ng tr m t m m i b ) đ ng, trong đ :

- N  g c: 363.129.989 (ba tr m s u m i ba tri u, m t tr m hai m i ch n ng n, ch n tr m t m m i ch n) đ ng.

- L i qu  h n t nh đ n ng y 24/4/2024: 191.494.094 (m t tr m ch n m i m t tri u, b n tr m ch n m i b n ng n, kh ng tr m ch n m i b n) đ ng.

B  A v   ng B ph i ti p t c thanh to n cho Ng n h ng D kho n ti n l i qu  h n c a s  ti n n  g c ch a thanh to n k  t r ng y 25/4/2024 cho đ n khi thanh to n xong kho n n  g c v i m c l i su t theo quy đ nh t i h p đ ng cho vay t ng l n s  2947/18/TD/I.18 k y ng y 01/8/2018 v  Gi y nh n n  l n 1 k y ng y 06/8/2018.

Ng n h ng D ch  y u c u b  A v   ng B thanh to n n , kh ng y u c u đ a th m b t c  ng i n o v o tham gia v  ki n v i t  c ch ng i c  quyền l i, nghi a v  li n quan.

Ng n h ng D x c đ nh Ng n h ng D l a ch n T a  n nh n d n qu n B nh Th nh l  T a  n gi i quy t v  ki n gi i r Ng n h ng D v  b  Cao Nguy n A,  ng Qu ch B.

Bị đơn - ông Quách B trình bày:

Ngày 01/8/2018, ông Quách B và bà Cao Nguyễn A có ký với Ngân hàng D hợp đồng cho vay từng lần số 2947/18/TD/I.18. Theo đó, Ngân hàng D cho tôi và bà A vay số tiền là 650.000.000 (sáu trăm năm mươi triệu) đồng. Mục đích vay tiêu dùng. Thời hạn vay: 55 tháng tính từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân. Lãi suất trong hạn được quy định trong từng giấy nhận nợ. Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Lãi chậm trả bằng số dư nợ bị quá hạn x số ngày quá hạn x 10%/năm : 365. Ông B và bà A đã nhận đủ số tiền là 650.000.000 (sáu trăm năm mươi triệu) đồng vào ngày 06/8/2018 theo giấy nhận nợ số 01.

Để đảm bảo nghĩa vụ cho hợp đồng tín dụng nêu trên, ông B và bà A đã thế chấp tài sản là xe ô tô con nhãn hiệu KIA, biển kiểm soát: 51F-XXXXXX, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số XXXXXX do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/02/2018 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 2947/18/TC/I.18 ký ngày 01/8/2018 giữa Ngân hàng D, bà Cao Nguyễn A và ông Quách B. Tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Đà Nẵng ngày 09/8/2018.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông B và bà A đã thanh toán được 384.095.951 (ba trăm tám mươi bốn triệu, không trăm chín mươi lăm ngàn, chín trăm năm mươi một) đồng, trong đó tiền gốc là 286.870.011 (hai trăm tám mươi sáu triệu, tám trăm bảy mươi ngàn, không trăm mười một) đồng, lãi trong hạn là 96.396.413 (chín mươi sáu triệu, ba trăm chín mươi sáu ngàn, bốn trăm mười ba) đồng, lãi quá hạn là 829.527 (tám trăm hai mươi chín ngàn, năm trăm hai mươi bảy) đồng.

Ông B xác nhận, tính đến ngày 24/4/2024, ông B và bà A còn nợ Ngân hàng D tổng số tiền là 554.624.083 (năm trăm năm mươi bốn triệu, sáu trăm hai mươi bốn ngàn, không trăm tám mươi ba) đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 363.129.989 (ba trăm sáu mươi ba triệu, một trăm hai mươi chín ngàn, chín trăm tám mươi chín) đồng.

- Lãi quá hạn tính đến ngày 24/4/2024: 191.494.094 (một trăm chín mươi một triệu, bốn trăm chín mươi bốn ngàn, không trăm chín mươi bốn) đồng.

Ông B đồng ý chịu trách nhiệm liên đới với bà A trong việc thanh toán khoản nợ theo hợp đồng cho vay từng lần số 2947/18/TD/I.18 ký ngày 01/8/2018 và Giấy nhận nợ số 1 ký ngày 06/08/2018 cho Ngân hàng D.

Do hiện nay hoàn cảnh của ông B rất khó khăn, ông B không thể thanh toán một lần toàn bộ số tiền còn nợ của hợp đồng cho vay từng lần số 2947/18/TD/I.18 ký

ngày 01/8/2018 và Giấy nhận nợ số 1 ký ngày 06/08/2018 cho Ngân hàng D. Ông B đề nghị Ngân hàng D tạo điều kiện cho ông B được thanh toán theo phương thức trả dần, mỗi tháng thanh toán 4.000.000 (bốn triệu) đồng cho đến khi dứt nợ và xem xét miễn khoản tiền lãi để ông B có thể nhanh chóng trả hết khoản nợ cho Ngân hàng D.

Bị đơn - bà Cao Nguyễn A vắng mặt suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ kiện mặc dù Tòa án đã thực hiện thủ tục triệu tập và niêm yết hợp lệ. Bà A cũng không gửi văn bản phản hồi đến Tòa.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như trên, cụ thể: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán ngay một lần tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 21/6/2024 là 613.248.187 (sáu trăm mười ba triệu, hai trăm bốn mươi tám ngàn, một trăm tám mươi bảy) đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 363.129.989 (ba trăm sáu mươi ba triệu, một trăm hai mươi chín ngàn, chín trăm tám mươi chín) đồng.

- Lãi quá hạn tính đến ngày 21/6/2024 là 250.118.198 (hai trăm năm mươi triệu, một trăm mười tám ngàn, một trăm chín mươi tám) đồng.

Bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 22/6/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc với mức lãi suất theo quy định tại hợp đồng cho vay từng lần số 2947/18/TD/I.18 ký ngày 01/8/2018 và Giấy nhận nợ lần 1 ký ngày 06/8/2018.

Nguyên đơn rút yêu cầu bà Cao Nguyễn A thanh toán toàn bộ khoản nợ theo giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ABBANK VISA do bà A ký ngày 06/9/2018 và rút yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là 01 xe ô tô con nhãn hiệu KIA, biển kiểm soát: 51F-XXXXXX, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số XXXXXX do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/02/2018.

Bị đơn - ông Quách B giữ nguyên các ý kiến như trên.

Bị đơn - Bà Cao Nguyễn A vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa triệu tập xét xử hợp lệ và cũng không gửi văn bản ý kiến đến phiên tòa.

Tại phần tranh luận,

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán ngay một lần toàn bộ khoản tiền gốc và lãi còn nợ theo hợp đồng cho vay từng lần số 2947/18/TD/I.18 ký ngày 01/8/2018 và Giấy nhận nợ lần 1 ký ngày 06/8/2018.

Bị đơn - bà Cao Nguyễn A vắng mặt không có ý kiến tranh luận.

Bị đơn - ông Quách B đồng ý cùng bà A thanh toán nợ cho nguyên đơn nhưng đề nghị được thanh toán theo phương thức trả dần, mỗi tháng thanh toán 4.000.000 (bốn triệu) đồng cho đến khi dứt nợ và đề nghị nguyên đơn xem xét miễn khoản tiền lãi để ông B có thể nhanh chóng trả hết khoản nợ vì hiện nay hoàn cảnh kinh tế của ông B rất khó khăn.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1.1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án. Cụ thể: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án, xác định vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa; việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát thực hiện theo đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 181 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo đúng quy định tại Điều 209, 210, 211 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, Thẩm phán còn có vi phạm thời hạn giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (trễ hạn).

1.2. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

1.3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

- Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý đến nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý đến nay, bị đơn ông Quách B đã thực hiện đúng, bị đơn bà Cao Nguyễn A đã thực hiện không đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đình chỉ đối với yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm và yêu cầu bà Cao Nguyễn A thanh toán khoản nợ thế tín dụng do nguyên đơn đã rút đối với các yêu cầu này; không xem xét đề nghị của ông Quách B về phương thức trả nợ và xem xét miễn khoản tiền lãi do nguyên đơn không đồng ý. Về án phí, bà Cao Nguyễn A và ông Quách B phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp dân sự về Hợp đồng tín dụng. Bị đơn - bà Cao Nguyễn A có địa chỉ tại quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa đã tổng đạt xét xử hợp lệ triệu tập bị đơn là bà Cao Nguyễn A tham gia phiên tòa sơ thẩm lần 1 mở ngày 28/5/2024 và lần 2 mở ngày 21/6/2024 nhưng bị đơn - bà Cao Nguyễn A vắng mặt không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn - bà Cao Nguyễn A.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cùng lời trình bày của đương sự thì bà Cao Nguyễn A và ông Quách B đã ký với Ngân hàng D hợp đồng cho vay từng lần số 2947/18/TD/I.18 vào ngày 01/8/2018. Hợp đồng này có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, các bên đều hoàn toàn tự nguyện khi ký kết hợp đồng nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà A và ông B đã nhận đủ số tiền là 650.000.000 (sáu trăm năm mươi triệu) đồng vào ngày 06/8/2018 theo Giấy nhận nợ lần 1 ký ngày 06/8/2018 nhưng lại vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không trả nợ gốc và nợ lãi đúng theo thỏa thuận.

Bà A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia quá trình tố tụng giải quyết vụ án nhưng bà A vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình Tòa án tiến hành điều tra, thu thập chứng cứ và xét xử. Cho thấy, bà A đã tự từ bỏ quyền lợi tố tụng của mình.

Bà A và ông B vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng D. Do vậy, Ngân hàng thương D khởi kiện yêu cầu bà A và ông B thanh toán một lần tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 21/6/2024 là 613.248.187 (sáu trăm mười ba triệu, hai trăm bốn mươi tám ngàn, một trăm tám mươi bảy) đồng và

tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 22/6/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc với mức lãi suất theo quy định tại hợp đồng cho vay từng lần số 2947/18/TD/L.18 ký ngày 01/8/2018 và Giấy nhận nợ lần 1 ký ngày 06/8/2018 là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 3, Điều 5, Điều 7 của Hợp đồng tín dụng; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Điều 8, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Do Ngân hàng thương D rút yêu cầu bà Cao Nguyễn A thanh toán toàn bộ khoản nợ theo giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ABBANK VISA do bà A ký ngày 06/9/2018 và rút yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là 01 xe ô tô con nhãn hiệu KIA, biển kiểm soát: 51F-XXXXXX, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số XXXXXX do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/02/2018 nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu này của nguyên đơn.

Đối với đề nghị của bị đơn - ông Quách B về phương thức trả nợ và đề nghị nguyên đơn xem xét miễn khoản tiền lãi, do nguyên đơn không đồng ý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thiết nghĩ yêu cầu của Ngân hàng D hoàn toàn có cơ sở để chấp nhận, cần buộc bà A và ông B phải thanh toán số tiền 613.248.187 (sáu trăm mười ba triệu, hai trăm bốn mươi tám ngàn, một trăm tám mươi bảy) đồng cho Ngân hàng D ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật; kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà A và ông B còn phải tiếp tục trả lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán với mức lãi suất theo quy định tại hợp đồng cho vay từng lần số 2947/18/TD/L.18 ký ngày 01/8/2018 và Giấy nhận nợ lần 1 ký ngày 06/8/2018 theo như ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tại phiên tòa.

[4] Về án phí:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, án phí dân sự sơ thẩm là 28.529.927 (hai mươi tám triệu,

năm trăm hai mươi chín ngàn, chín trăm hai mươi bảy) đồng, bị đơn phải chịu do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.324.000 (mười ba triệu, ba trăm hai mươi bốn ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000961 ngày 30/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí;

Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Cao Nguyễn A và ông Quách B thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần D ngay một lần tổng số tiền còn nợ là 613.248.187 (sáu trăm mười ba triệu, hai trăm bốn mươi tám ngàn, một trăm tám mươi bảy) đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 363.129.989 (ba trăm sáu mươi ba triệu, một trăm hai mươi chín ngàn, chín trăm tám mươi chín) đồng.

- Lãi quá hạn tính đến ngày 21/6/2024 là 250.118.198 (hai trăm năm mươi triệu, một trăm mười tám ngàn, một trăm chín mươi tám) đồng.

Thi hành ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà A và ông B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc với mức lãi suất theo quy định tại hợp đồng cho vay từng lần số 2947/18/TD/L.18 ký ngày 01/8/2018 và Giấy nhận nợ lần 1 ký ngày 06/8/2018.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng cho vay.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu bà Cao Nguyễn A thanh toán toàn bộ khoản nợ theo giấy đề nghị kiểm hợp đồng phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ABBANK VISA do bà A ký ngày 06/9/2018.

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là 01 xe ô tô con nhãn hiệu KIA, biển kiểm soát: 51F-XXXXXX, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số XXXXXXX do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/02/2018.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 28.529.927 (hai mươi tám triệu, năm trăm hai mươi chín ngàn, chín trăm hai mươi bảy) đồng, bà Cao Nguyễn A và ông Quách B phải nộp.

Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.324.000 (mười ba triệu, ba trăm hai mươi bốn ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000961 ngày 30/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Án xử công khai. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn - ông Quách B có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn - bà Cao Nguyễn A có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ bản án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Y;
- Chi Cục THADS quận Y;
- Các đương sự;
- Lưu VP; Hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thiện Liên Hương

